

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23/12/2024
V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN THÀNH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Cây.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Trần Hồng Sơn, bà Ngô Thị Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thập - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 13/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996. (vắng mặt)

HKTT: Khu phố Á, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Đinh Quang Đ, sinh năm 1995. (vắng mặt)

HKTT: Khu phố Á, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang cải tạo tại Đội 44, phân trại số 1- Trại giam N2- Cục C1 – Bộ C2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án tóm tắt như sau.

Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Đinh Quang Đ vào tháng 12/2015, kết hôn do hai bên tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T (nay là phường H, thị xã T), tỉnh Bắc Ninh.

Theo phía chị N trình bày:

Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng với gia đình anh Đ ở khu phố Á, phường H. Vợ chồng chung sống thời gian đầu cũng hạnh phúc, tuy nhiên sau đó vợ chồng cũng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Theo chị N thì anh Đ trong cuộc sống gia đình đã không chịu làm ăn, không chăm lo gia đình mà chơi bời tệ nạn cùng với bạn bè xã hội. Anh Đ sa đà vào tệ nạn ma túy từ trước

thời điểm chị kết hôn với anh Đ nhưng thời điểm đó chị không biết, sau này khi vợ chồng chung sống chị cũng đã cố gắng khuyên anh Đ từ bỏ ma túy nhưng anh Đ vẫn không từ bỏ được. Khi đó gia đình cùng với chị đã bàn bạc để vợ chồng sang Nhật Bản làm việc từ năm 2017 để anh Đ tránh xa tệ nạn xã hội nhưng khi sang Nhật Bản anh Đ vẫn tiếp tục chơi bời, cờ bạc trên mạng và đến đầu năm 2021 thì phải về nước, còn chị thì năm 2022 mới về.

Anh Đ về nước lại tiếp tục sa đà vào ma túy nên cuối năm 2011 đã bị Công an L bắt về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tội tàng trữ ma túy và bị xử 12 năm tù. Hiện nay anh Đ đang phải cải tạo tại Trại giam N2, tỉnh Bắc Giang.

Nay chị N thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Bản thân chị cũng không thấy có tương lai trong mối quan hệ hôn nhân với anh Đ, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị N trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh An A, sinh ngày 01/11/2014 và cháu Đinh An N1, sinh ngày 22/5/2022, hiện hai con đang do chị nuôi dưỡng. Ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp nuôi hai con chung, nếu được nuôi con chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía anh Đ trình bày:

Anh Đ hiện đang cải tạo tại Trại giam N2 – Cục C1 – Bộ C2. Phía anh Đ cũng xác định anh với chị N có mối quan hệ hôn nhân cùng nhau như chị N đã trình bày. Sau đó thì anh bị Công an thị xã S, tỉnh Lào Cai bắt về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị Tòa án kết án 12 năm tù và hiện đang phải đi cải tạo tại Trại giam N2, tỉnh Bắc Giang. Nay anh thấy vợ chồng cũng không thể chung sống với nhau được nữa, anh đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị N.

Về con chung: Anh Đ trình bày xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh An A và cháu Đinh An N1 như chị N trình bày là đúng. Do anh đang phải đi cải tạo nên anh đồng ý để chị N tiếp tục trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Đ cũng không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa: Do cả chị N và anh Đ đều đề nghị xét xử vắng mặt và đều vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình này tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố toàn bộ lời khai, yêu cầu của các đương sự được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Theo đó chị N, anh Đ đều thuận tình ly hôn. Về con chung hai bên thống nhất để chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, cấp dưỡng nuôi con chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung hai bên không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng khác đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự trong vụ án đều có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

Về giải quyết vụ án: Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay cả chị N và anh Đ đều thuận tình ly hôn, tuy nhiên tại phiên tòa chị N, anh Đ vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh Đ. Về con chung đề nghị áp dụng các Điều 81, 82 và 83 xử giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Cấp dưỡng nuôi con chung không giải quyết do chị N không yêu cầu. Về tài sản chung không xem xét giải quyết do cả chị N và anh Đ đều xác định không có và không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị N được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Anh Đ hiện đang cải tạo tại Trại giam N2 có địa chỉ tại huyện T, tỉnh Bắc Giang nhưng anh Đ có quê quán tại thị xã T. Do vậy việc Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N là có căn cứ.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Đinh Quang Đ vào tháng 12/2015, kết hôn do tự nguyện và có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng về chung sống thời gian đầu cũng hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó cuộc sống vợ chồng dần dần đã nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do anh Đ không chịu tu dưỡng bản thân, không chăm lo gia đình vợ con, sa đà vào tệ nạn xã hội. Anh Đ chơi bời tệ nạn nhiều năm nhưng vẫn không từ bỏ được. Anh Đ chơi bời tệ nạn và đã phạm tội bị Tòa án kết án tù 12 năm phải đi cải tạo nên đã làm cho cuộc sống hôn nhân của hai bên đi vào ngõ cụt. Bản thân chị N thấy không có tương lai trong mối quan hệ hôn nhân với anh Đ nữa. Phía anh Đ cũng đồng thuận ly hôn theo như yêu cầu của chị N. Đến thời điểm hiện nay cả hai vợ chồng đều xác định không thể tiếp tục cuộc sống chung và đều thuận tình ly hôn. Tuy nhiên do cả chị N, anh Đ đều vắng mặt tại phiên tòa, do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh Đ.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là chung là các cháu Đinh An A, sinh ngày 01/11/2014 và cháu Đinh An N1, sinh ngày 22/5/2022. Hiện cả hai con đang do chị N nuôi dưỡng. Do anh Đ đang phải đi cải tạo tại Trại giam nên cần

giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét giải quyết do chị N không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do chị N, anh Đ không có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đinh Quang Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là các cháu Đinh An A, sinh ngày 01/11/2014 và cháu Đinh An N1, sinh ngày 22/5/2022. Cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét giải quyết do chị N không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do chị N, anh Đ không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0001437 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND thị xã Thuận Thành.
- Chi cục THADS thị xã T.
- UBND phường H, tx T.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sỹ C

